

Bản án số: 48/2021/DS-ST

Ngày: 03-3-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M – sinh năm 1969; Địa chỉ: 70 T, Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim K; sinh năm 1943; Địa chỉ: 75/1 T, Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hứa Thanh T1; sinh năm 1983; Địa chỉ: 75/1 T, Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/3/2020, bà cho bà Nguyễn Thị Kim K mượn số tiền là 230.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 01/3/2020 đến ngày 01/5/2020. Do bà K có đưa cho bà giữ giấy tờ nhà có đứng tên hai người là Nguyễn Thị Kim K và Hứa Thanh T nên trong giấy mượn tiền bà có ghi là 2 người mượn nhưng thực tế bà chỉ giao số tiền là 230.000.000 đồng cho bà

Nguyễn Thị Kim K. Do bà K không trả tiền đúng thỏa thuận nên khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim K phải trả ngay cho bà số tiền gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/3/2020 đến khi Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 03/11/2020 là 30.660.000 đồng, tổng cộng là 260.660.000 đồng.

Bà M đã cung cấp cho Tòa giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thể hiện Bà M chưa đăng ký kết hôn với ai.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim K trình bày: Bà có mượn tiền của nguyên đơn nhiều lần, đến ngày 01/3/2020, Bà M cộng gộp các giấy vay từ trước và lãi lại thành 230.000.000 đồng yêu cầu bà ký vào giấy mượn số tiền 230.000.000 đồng nhưng thực tế bà không nhận tiền. Do bà không có chứng cứ gì nên bà đồng ý trả cho Bà M số tiền gốc là 230.000.000 đồng theo phương thức trả góp mỗi tháng 4.000.000 đồng, đề nghị không trả lãi, trong vòng 20 tháng bà sẽ thanh toán hết cho Bà M số tiền còn thiếu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hứa Thanh T1 trình bày: Đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định trước đây bà có cho bà Nguyễn Thị Kim K vay nhiều lần nhưng đã thanh lý hết. Ngày 01/3/2020, bà cho bà K vay số tiền 230.000.000 đồng, kể từ khi vay bà K chưa trả cho bà bất kỳ khoản nào. Do đó, bà yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K phải trả ngay cho bà số tiền gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử là 45.816.000 đồng, tổng cộng là 275.816.000 đồng, bà K còn phải trả lãi đến khi thanh toán xong cho bà số tiền còn thiếu.

Bị đơn trình bày: Từ cuối năm 2016, bà có vay của nguyên đơn nhiều lần và có trả lãi theo mức lãi suất 4%/tháng; tuy nhiên bà không có chứng cứ gì để chứng minh. Bà xác nhận có ký vào giấy mượn tiền ngày 01/3/2020 với số tiền 230.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho Bà M số tiền gốc là 230.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Khi mượn tiền bà có đưa cho Bà M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 154571, số vào sổ cấp GCN: CS 00875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/5/2016, nay bà yêu cầu Bà M phải trả cho bà bản chính giấy chứng nhận trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn xác nhận hiện có giữ bản chính giấy tờ trên của bị đơn nhưng không đồng ý trả vì muốn có sự đảm bảo cho việc thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hứa Thanh T1 có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị M khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K. Bà K hiện đang cư trú tại 75/1 T, Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét thấy, Ông Hứa Thanh T1 có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ vào nội dung giấy mượn tiền ngày 01/3/2020 và sự xác nhận của nguyên đơn, bị đơn thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kim K có vay của bà Lê Thị M số tiền là 230.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền, thời hạn vay từ ngày 01/3/2020 đến ngày 01/5/2020. Kể từ khi vay, bà K chưa trả cho Bà M bất cứ khoản nào. Do đó, việc Bà M yêu cầu bà K phải có trách nhiệm thanh toán số tiền như trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về tiền lãi: Trong giấy mượn tiền, các bên có thỏa thuận về lãi suất nên bà K phải có trách nhiệm trả lãi cho Bà M kể từ khi vay tiền là ngày 01/3/2020. Bà M yêu cầu bà K phải trả lãi theo mức lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử là 45.816.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”. Lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy mượn tiền là 2%/tháng, vượt quá 20%/năm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp.

Như vậy, bà K phải có trách nhiệm trả cho Bà M tổng cộng số tiền là 275.816.000 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Phương thức thanh toán: Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Theo lời trình bày của bị đơn và sự xác nhận của nguyên đơn thì khi nguyên đơn giao cho bị đơn số tiền 230.000.000 đồng thì bị đơn có đưa nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số CD 154571, số vào sổ cấp GCN: CS 00875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/5/2016 để làm tin. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai 2013 quy định hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có quyền: “Thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, tại tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật”. Tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 quy định: “Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Do đó, việc Bà M giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Kim K và Ông Hứa Thanh T1 là không đúng quy định pháp luật, làm hạn chế quyền của người sử dụng đất nên nguyên đơn phải có trách nhiệm trả cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 154571, số vào sổ cấp GCN: CS 00875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/5/2016 ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim K có trách nhiệm trả số tiền 275.816.000 đồng cho bà Lê Thị M. Theo quy định Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bà K thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên bà K miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim K có trách nhiệm trả cho là bà Lê Thị M số tiền gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi là 45.816.000 đồng, tổng cộng là 275.816.000 (Hai trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm mười sáu nghìn) đồng.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

2/ Bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim K bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 154571, số vào sổ cấp GCN: CS 00875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/5/2016 ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim K được miễn nộp án phí.

Hoàn lại cho bà Lê Thị M số tiền 6.440.000 (Sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí do Bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0068401 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Kim K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hứa Thanh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Vũ Trung Kiên

Phạm Thị Lan

Hoàng Mỹ Kiều

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mỹ Kiều

